

* Sự khác biệt giữa các loại tài khoản tiền gửi

Chức năng	Tên tiền gửi khách hàng	Tên tiền gửi tiết kiệm	Tiền kỳ quỹ
Đối tượng	Cá nhân, tổ chức kinh tế	Cá nhân	Các tổ chức doanh nghiệp
Mục đích	Gửi tiền, thanh toán	Gửi tiền tiết kiệm	Gửi tiền để đảm bảo thanh toán
Lãi suất	Lãi suất theo ngân hàng, lãi nhập gốc	Lãi suất theo ngân hàng, lãi nhập gốc	Không có
Tài sản đảm bảo	Không có	Không có	Có thể có tài sản đảm bảo là tài sản hoặc giấy tờ có giá

Sinh viên gấp giấy theo đường kẻ này

TÊN HỌC PHẦN: Kế toán ngân hàng thương mại

ĐIỂM KẾT LUẬN CỦA BÀI THI		Giảng viên chấm 1:	Giảng viên chấm 2:	Chú ý: Sinh viên Phải ghi mã đề và số tờ giấy thi sẽ nộp.
Ghi bảng số	Ghi bảng chữ			
7,8	Bảy tám	U	B	- Số tờ: 1 - Mã đề: 0.1

Kết quả	Câu 1:	Câu 2:	Câu 3:	Câu 4:	Câu 5:	Cộng:
	1. Nợ tk 5112 : 150 000 000 Có tk 4211 - Vĩnh Tiến : 150 000 000	2. Mua tài sản : Nợ tk 3831 : 4 000 000 000 Có tk 1011 : 4 000 000 000 Nhập Nợ tk 951 : 4 000 000 000 Cho thuê tài chính : Nợ tk 2311 : 4 000 000 000 Có tk 3831 : 4 000 000 000 Đồng thanh ghi Nợ tk 952 : 4 000 000 000 Có tk 951 : 4 000 000 000	3. Lãi tương hạn : Từ 20/12/2024 - 20/12/2025 : 365 ngày Lãi quá hạn : Từ 20/12/2025 - 25/12/2025 : 5 ngày			
			$\text{Lãi phải trả tương hạn} = 600\,000\,000 \times \frac{5,3\%}{365} \times 365$ $= 31\,887\,123 \text{ (đ)} \quad 0,25$			
			$\text{Lãi phải trả quá hạn} = (600\,000\,000 + 31\,887\,123) \times \frac{0,5\%}{365} \times 5$ $= 432\,80 \text{ (đ)} \quad 43279 \text{ (đ)}$			

THÍ SINH CẦN GHI ĐẦY ĐỦ CÁC MỤC Ở PHẦN TRÊN

Hạch toán:

Nợ tk 4232 : 600 000 000 0,25
 Nợ tk 4913 : ~~31 887 128~~ ~~31 800 000~~
 Nợ tk 801 : ~~43 280~~ ~~43 274~~
 Có tk 1011 : ~~63 195 000~~ ~~63 184 3274~~

4.

Điều chuyển tiền:

Nợ 1019 : 5 000 000 000
 Có 1011 - BIDV (CN Thanh Xuân) : 5 000 000 000

Nhận giấy báo của chi nhánh Hà Nội:

Nợ 5112 : 5 000 000 000
 Có 1019 : 5 000 000 000

5.

Mệnh giá = $100 \times 10 000 000 = 1 000 000 000$ (đ)
 Phí trả = $100 \times 100 000 = 10 000 000$ (đ)
 Nợ tk 4211 - khách hàng : 1 010 000 000
 Có tk 431 : 1 000 000 000
 Có tk 433 : 10 000 000

6.

Nợ tk 1011 : 260 000 10,5
 Có tk 461 : 260 000

Câu 2:

1. Đúng

Vì khi đến thời hạn đáo hạn, nếu tài khoản, nếu khách hàng không đến để tài khoản, ngân hàng sẽ thực hiện lãi nhập gốc theo quy tắc dồn lãi.

2. Sai

Vì hình thức cho vay theo hạn mức tín dụng là hình thức ngân hàng sẽ cung cấp cho khách hàng hạn mức vay, khách hàng có thể vay trong hạn mức vay.

3. Sai

Vì đối với trường hợp này, ngân hàng hạch toán vốn tức tiếp, không thông qua tài khoản "tiền đang chuyển - 1019".

4. Sai Đúng

Vì kế toán hiện mặt ~~trợ~~ phải chứng từ đúng trong nghiệp vụ ngân quỹ, nếu hợp lệ ~~khách hàng~~ giao dịch viên sẽ thanh toán.

5. Đúng

Vì khi thanh toán bằng hình thức séc bảo chi, người mua sẽ phải ra ngân hàng nộp tiền gửi để bảo đảm thanh toán séc, nếu tiền trong tài khoản không đủ khả năng thanh toán thì ngân hàng sẽ từ chối thanh toán.

6. Sai

Vì nếu phát hiện thừa tiền, giao dịch viên cần phải thông báo quý chính, sau khi kiểm kê và bàn giao tiền cần có chữ ký, đóng dấu xác nhận của trưởng quỹ, đưa về quỹ chính rồi mới thực hiện kiểm kê, tìm ra nguyên nhân.

Câu 1:

- * Đặc điểm của huy động vốn bằng tiền gửi tiết kiệm:
 - Thời gian huy động vốn linh hoạt, thường là ngắn hạn
 - Áp dụng đối với các cá nhân có nhu cầu mở sổ tiết kiệm
 - Bao gồm hai loại: tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn và tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn

TÊN HỌC PHẦN:

ĐIỂM KẾT LUẬN CỦA BÀI THI		Giảng viên chấm 1:	Giảng viên chấm 2:	Chú ý: Sinh viên Phải ghi mã đề và số tờ giấy thi sẽ nộp.
Ghi bảng số	Ghi bảng chữ			
5	Nam	Uk		- Số tờ: 1 - Mã đề: 01

Sinh viên gấp giấy theo đường kẻ này

THÍ SINH CẦN GHI ĐẦY ĐỦ CÁC MỨC Ở PHẦN TRÊN

Kết quả Câu 2:

Câu 1: 0,5 Sai
Nếu khách hàng không đến ngân hàng để rút tiền, ngân hàng sẽ.

Câu 2: 1,5 Đúng
2. Đúng

Câu 3: 3,0 Đúng
Vì theo khác niệm thì hình thức cho vay theo hạn mức tín dụng là hình thức mà ngân hàng sẽ theo dõi dư nợ theo số tiền mà khách hàng gửi.

Câu 4: Đúng
3. Đúng

Câu 5: Đúng
Vì khi giao dịch với ngân hàng thực hiện nhận bản giao tiền đều chuyển đến, ngân hàng sẽ mở TK 1019.

Cộng: Đúng
4. Đúng
Vì giao dịch viên sẽ thanh toán cho khách hàng khi tiền của sẽ đủ nộp là.

5. Đúng
Vì khi tài khoản không đủ tiền này thanh toán thì ngân hàng sẽ sẽ từ chối thanh toán.

6. Sai
Vì giao dịch viên không được phép để vào quỹ cá nhân mà phải kê khai vào quỹ.

Câu 3:

1)

N1019	N1019	: 150.000.000 đ
C4274	C62121	: 150.000.000 đ

N1019 : 150.000.000 đ
C1011 : 150.000.000 đ

2) Nợ 4252 : 4.000.000.000 đ
 Có 2011 : 4.000.000.000 đ
 Tổng nợ: Tổng thời Nợ 3951 : 4.000.000.000 đ
 Nợ 2341 : 4.000.000.000 đ
 Có 3831 : 4.000.000.000 đ
 Nợ 952 : 4.000.000.000 đ
 Có 951 : 4.000.000.000 đ

3) Tiền lãi = $600.000.000 \times 5,3\% = 31.800.000$ đ
 Nợ 1011 : 600.000.000 đ
 Có 4212 : 600.000.000 đ
 Nợ 4212 : 600.000.000 đ
 Nợ 4913 : 31.800.000 đ
 Có 801 : 31.800.000 đ

4) Nợ 1019 : 5.000.000.000 đ
 Có 4211 : 5.000.000.000 đ

5) Nợ 4211 : 10.100.000.000 đ
 Có 431 : 1.000.000.000 đ
 Có 433 : 1.000.000.000 đ
 Nợ 388 : 10.000.000 đ
 Có 433 : 10.000.000 đ
 Lãi phát hành trái phiếu
 Tổng mệnh giá $100 \times 100.000.000 = 10.000.000.000$ đ
 Phí xử lý $100 \times 100.000 = 10.000.000$ đ

6) Nợ 1011 : 260.000 đ
 Có 461 : 260.000 đ

Câu 4:

- Đặc điểm hoạt động huy động vốn bằng tiền gửi tiết kiệm: Vốn cho trước huy động bằng tiền gửi tiết kiệm sẽ được huy động và trả lãi suất cho khách hàng theo kì hạn hoặc không theo kì hạn. Vốn sẽ được huy động bằng sự uy tín của ngân hàng cho vay và sự tin tưởng của khách hàng.

Các sự khác biệt giữa các loại tài khoản tiền gửi trong nghiệp vụ huy động vốn của ngân hàng thương mại:
 - Tiền gửi tiết kiệm là tiền gửi mà khách hàng sẽ gửi cho ngân hàng theo kì hạn hoặc không kì hạn để lấy lãi theo thời gian.

Câu 2:

3) Tiền lãi = $600.000.000 \times 5,3\% = 31.800.000$ đ
 Nợ 1011 : 600.000.000 đ
 Có 4212 : 600.000.000 đ
 Lãi quá hạn = $\frac{600.000.000 \times 0,5\%}{365} \times 5 = 41.095.890,41$

Tạo:

Nợ 4212 : 600.000.000 đ
 Nợ 4913 : 31.800.000 đ
 Nợ 801 : 41.095.890,41 đ
 Có 4211 : 91.804.1095,9 đ

TÊN HỌC PHẦN: Kế toán ngân hàng thường mại.

ĐIỂM KẾT LUẬN CỦA BÀI THI		Giảng viên chấm 1:	Giảng viên chấm 2:	Chú ý: Sinh viên Phải ghi mã đề và số tờ giấy thi sẽ nộp.
Ghi bằng số	Ghi bằng chữ			
6	Sáu			- Số tờ: 01 - Mã đề: 02

Sinh viên gấp giấy theo đường kẻ này

THÍ SINH CẦN GHI ĐẦY ĐỦ CÁC MỤC Ở PHẦN TRÊN

Kết quả

Câu 1: 0

Câu 2: 2,5

Câu 3: 3,5

Câu 4:

Câu 5:

Cộng:

Câu 3:

1) Nợ 4211 - Thanh Hoá : 350.000.000 đ
 Có 4211 - Cty Helen : 350.000.000 đ.

2) + Vay Cho vay hiện mặt:
 Nợ 2111 : 200.000.000 đ
 Có 1011 : 200.000.000 đ.

+ Ủy nhiệm chi cho công ty đối tác:
 Nợ 4211 - Thanh Hoá : 550.000.000 đ
 Có 5012 - Thành Phát : 550.000.000 đ.

3) Hợp đồng bán lãnh thanh toán đến hạn:
 Nợ 4274 : 300.000.000 đ
 Nợ 4211 : 120.000.000 đ
 Nợ 241 : 80.000.000 đ
 Có 5012 : 500.000.000 đ

- Ghi xuất 994 922 : 200.000.000 đ
 - Ghi xuất 994 : 250.000.000 đ.

4) Nhận tiền mặt điều chuyển từ NH kỹ thuật - Thanh Xuân:
 Nợ 1011 : 5.000.000.000 đ
 Có 5111 : 5.000.000.000 đ.

5) +) Khách hàng nộp 8% tiết kiệm (15/11/2024 - 30/2/2025)
 - lãi thanh toán = $\frac{500.000.000 \times 3,1\%}{365} \times 92$
 (lãi trong hạn) = 3.906.849 (đ)

$$\rightarrow \text{Lãi quá hạn} = \frac{(500.000.000 + 3.906.849) \times 0,15\%}{365} \times 13$$

$$= 89.737,89.737 \text{ (đ)}$$

\Rightarrow Nợ 4232 : 200.000.000 đ

Nợ 4913 : 3.906.849 đ

Nợ 801 : 89.737 đ

Có 1011: ~~203.996.586~~ đ.

\rightarrow Khách hàng gửi lại 300.000.000 sang với kỳ hạn 6 tháng \Rightarrow gửi nguyên tài khoản 4232 đã có.

b) Cuối ngày kiểm đếm; thấy thiếu quỹ:

Nợ 3614 : 400.000 đ

Có 1011 : 400.000 đ

Câu 2:

1. Đúng, vì theo quy định hiện nay, khách hàng là tài khoản vắng lai muốn sử dụng ruy dưng ngân hàng hiện tại để thực hiện các giao dịch thì cần phải hoàn thành sinh trắc học, nếu không thì tài khoản sẽ bị khóa.

2) Sai,

Khi giá vàng giảm mà ngân hàng không thực hiện các giao dịch liên quan đến vàng thì không cần ghi nhận nghiệp vụ kế toán.

3) Sai.

Ngân hàng thường mai chi được phép mở tài khoản tiết kiệm cho khách hàng nếu như khách hàng đã đồng ý.

4) Sai

Hội đồng của hình thức cho vay như dùng bao gồm các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế...

5) Đúng.

Cho vay chiết khấu được áp dụng đối với khách hàng số tiền gửi có giá trị hạn.

6) Sai, nên trừ này chỉ đúng khi ngân hàng chấp nhận nộp lãi và người

~~Đúng~~

Khi khách hàng nộp séc chuyển khoản, ngân hàng sẽ ghi Nợ cho bên tay phát hành đồng thời ghi có cho bên thụ hưởng (nếu có cùng hệ thống ngân hàng).

TÊN HỌC PHẦN: Kế toán ngân hàng thương mại

ĐIỂM KẾT LUẬN CỦA BÀI THI		Giảng viên chấm 1:	Giảng viên chấm 2:	Chú ý: Sinh viên Phải ghi mã đề và số tờ giấy thi sẽ nộp. - Số tờ: - Mã đề: 02
Ghi bảng số	Ghi bảng chữ			
65	Sau số	Ch		

Sinh viên gập giấy theo đường kẻ này

Kết quả Câu 1: 1
Câu 1: 1. Đúng.
Là kho mở tài khoản cho giao dịch viên của khách hàng theo các bước sinh hoạt học để có thể giao dịch trên ứng dụng trên tài khoản bảo mật.
Câu 2: 2. Sai.
Câu 3: 3. Sai.
Câu 4: 4. Đúng.
Là kế toán tại ngân hàng thương mại là ghi chép các nghiệp vụ phát sinh, đồng thời thu vào hoặc chi ra.
Câu 5: 5. Đúng.
Là tài khoản tiền gửi tiết kiệm dùng để mở khi khách hàng có tiền nhàn rỗi để đảm bảo tiền an toàn khi chưa dùng đến tiền.
Cộng: 1. Sai.
Là lấy theo hạn mức tài dụng thường áp dụng cho khách hàng có nhu cầu vay vốn thường xuyên để vòng quay vốn lưu động cao.
2. Đúng.
Là khi gửi từ tài khoản, tiền gửi tự do thì khi khách hàng mở có thể gửi khoản tiền này bất kỳ.
3. Sai.
Là để thanh toán cho các chuyên khoản thì ngoài việc ngân hàng làm tài khoản thanh toán

THÍ SINH CẦN GHI ĐẦY ĐỦ CÁC MỤC Ở PHẦN TRÊN

thủ ngân hàng còn lại trả tính hợp lệ của chứng từ đã đi đến hạn thanh toán như:

Câu 3. Ngày 30/12/2025 tại chi nhánh Ngân hàng kỹ thương Việt Nam - CN Hà Đông.

1. Nợ 4211 - (TMưu Thanh Hoa) : 850.000.000 đ
 Có 4211 - (Yesh Sáo Helen) : 850.000.000 đ.

2. Nợ 2111 : 750.000.000
 Có 1011 : 200.000.000
 Có 5012 : 550.000.000

3. Hợp đồng bảo lãnh để bán, không không thực hiện nghĩa vụ tài chính:

Nợ 4274 : 300.000.000
 Nợ 4211 : 120.000.000
 Nợ 2411 : 80.000.000
 Có 5012 : 500.000.000
 Ghi Có 9206 : 200.000.000 (= 80.500.000.000 - 300.000.000)
 Ghi Có 996 : 250.000.000.

4) Nợ 1011 : 5.000.000.000
 Có 5811 : 5.000.000.000

5) 15/11/2024 → 15/11/21/2025 : 92 ngày.
 Lãi quá hạn : 15/12/2025 → 30/12/2025 : 13 ngày.

$$\text{Lãi trong hạn} = \frac{500.000.000 \times 3,1\%}{365} \times 92 = 39.068.49$$

$$\text{Lãi quá hạn} = \frac{(500.000.000 + 39.068.49) \times 0,5\%}{365} \times 13 = 102.573$$

Ông Nguyễn gửi lại 300.000.000

Nợ 1011 : 300.000.000

Có 4232 : 300.000.000

Ông Nguyễn lĩnh:

Nợ 4232 : 200.000.000

Nợ 4912 : 3.906.849

Nợ 801 : 102.573

Có 1011 : 204.010.392

6. Thời quy:

Nợ 3614 : 400.000 đ

Có 2011 : 400.000 đ

Câu 2. Cho vay theo dự án đầu tư.

x. Nội dung
 Phần bổ nhồi lãi

Ngân hàng cho vay dự án đầu tư nhằm cung ứng vốn cho khách hàng để thực hiện các dự án đầu tư phát triển phục vụ sản xuất kinh doanh, dịch vụ và các đầu tư phục vụ đời sống. Đối tượng là các dự án đầu tư với mọi mô hình, thiết bị nhà xưởng các công trình xây dựng.

x. Đặc điểm:

Cho vay dự án đầu tư đa thuộc loại cho vay vốn dài hạn



- Ngân hàng giải ngân từng phần theo tiến độ công trình nhưng thu gọi lãi theo hạn thanh toán

- Dự án là các công trình quá quá trình xây dựng có bản thì đối tượng cho vay là các chủ dự án phát sinh trong quá trình xây dựng và bản để hoàn thành công trình, kể cả chủ dự án vay tiền và giao

	Dự án đầu tư	Vay hợp vốn
Mục đích	Đầu tư vào các dự án cụ thể	Đầu tư như cho vay với ngân hàng hoặc theo tín hiệu
Thời hạn	Dài hạn (> 5 năm trở lên)	Ngắn hạn (< 1 năm)
Thời hạn	Lớn	Nhỏ
Thu tục	Đơn giản thủ tục	Đơn giản
Tài sản đảm bảo	Yêu cầu cao hơn, thường là tài sản liên quan đến các dự án.	Thấp hơn có thể là bất động sản hoặc ô tô.
Lãi suất	Thường thấp hơn, do thời hạn dài và tài sản đảm bảo tốt	Thường cao hơn, do không có tài sản đảm bảo hoặc tài sản đảm bảo không cao.

Số phách


TÊN HỌC PHẦN: KẾ TOÁN NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

ĐIỂM KẾT LUẬN CỦA BÀI THI		Giảng viên chấm 1:	Giảng viên chấm 2:	Chú ý: Sinh viên Phải ghi mã đề và số tờ giấy thi sẽ nộp. - Số tờ: 01 - Mã đề: 01
Ghi bằng số	Ghi bằng chữ			
5,3	Năm, ba			

Sinh viên gấp giấy theo đường kẻ này

THÍ SINH CẦN GHI ĐẦY ĐỦ CÁC MỤC Ở PHẦN TRÊN

Kết quả Câu 3:

Câu 1: 0,5 Nhận được LCC thanh toán séc chuyển khoản:
 Nợ TK 112 : 150.000.000
 Có TK 211 - Cty Thanh Nam : 150.000.000

Câu 2: 1,5 Ngân hàng mua tài sản thuê tài chính:
 Nợ TK 3831 : 4.000.000.000
 Có TK 4211 : 4.000.000.000

Câu 3: 3,25

Câu 4: ~~Bản giao TS cho khách hàng:~~
 Nợ 2511

Câu 5: Gửi Nợ TK 951 : 4.000.000.000

Cộng: ~~Bản giao TS cho khách hàng:~~
 Ghi Có TK 951 : 4.000.000.000
 Ghi Nợ TK 952 : 4.000.000.000
 Nợ TK 2511 : 4.000.000.000
 Có TK 3831 : 4.000.000.000

3. Nộp số tiết kiệm:
 $Lãi trong hạn = \left(600.000.000 \times \frac{5,5\%}{365} \right) \times 365 = 3.180.000$

$Lãi quá hạn = \frac{600.000.000 + 3.180.000 \times 0,15\%}{365} \times 5 = 8.221.556$

Nợ TK 1021 4152 631843275 : 6.000.000.000
 Nợ TK 4913 : 37.800.000
 Nợ TK 802 : 8.221.556
 Có TK 422 1011 600000000 : 6.318.43275



4) Điều chuyển tiền:

Nợ TK 1019 5112 : 5.000.000.000
Có TK 1018 : 5.000.000.000

5) Phát hành trái phiếu: $PRu\ \text{trái} = 100 \times 100.000 = 10.000.000$

Nợ TK 1011 : ~~20.000.000~~
Có TK 431 : 10.000.000
Có TK 433 : 10.000.000

Mệnh giá = $10.000.000 \times 100.000$
= 1.000.000.000

*) Khách hàng đã thanh toán trước bằng TK cá nhân:
Nợ TK 421 KH Nợ TK 431
Có TK 1011

6) Thừa quỹ:

Nợ TK 1011 : 260.000
Có TK 461 : 260.000

Câu 2:

b) Đúng

→ Nội thích: Đến hạn khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn, nếu khách hàng không đến nhận tiền và lãi vay thì lãi sẽ nhập gốc và hệ thống sẽ tự động chuyển sang kỳ hạn mới tương đương kỳ hạn cũ với lãi suất TMM hiện hành.

2) Sai - 0,25

3) Sai - 0,25

→ Đối với hình thức điều chuyển tiền nhận bàn giao tại ngân hàng điều chuyển tiền không sử dụng TK 1019.

4) Sai Đúng - 0,25

5) Đúng Sai - 0,25

6) Sai - 0,25

→ Khi hình thành thừa quỹ, giao dịch niên sẽ kê khai thừa quỹ, xác định nguyên nhân và trả lại số tiền thừa.

Câu 1:

*1 Đặc điểm huy động vốn bằng tiền gửi tiết kiệm:

- Tính dài theo ngày.

$$LPT = \left(\text{Số tiền} \times \frac{LS}{365} \right) \times 365$$

- Thực hiện với các doanh nghiệp vừa và nhỏ, địa giới định

- Bao gồm tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn và không kỳ hạn.

*1 Sự khác biệt giữa các loại tiền gửi

Tiền gửi trong nghiệp vụ huy động vốn bao gồm:

+ Tiền gửi tiết kiệm

+ Tiền gửi thanh toán